

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 4 - 2019
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung, cán bộ hưu trí, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bà Vũ Thị Xuyên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị D, sinh ngày: 13/09/19...; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ tạm trú:..., xã Dương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thê S, sinh ngày: 24/12/19...; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Cao Thị D và anh Nguyễn Thê S đăng ký kết hôn ngày 31/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thuê nhà trọ chung sống và làm việc tại khu công nghiệp huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay.

Về con chung: Chị D và anh S có 01 (một) con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/06/2016 hiện đang ở cùng ông bà nội (bố mẹ đẻ của anh S).

Quan điểm của chị D: Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn và chung sống với nhau một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Chị đã sống ly thân với anh S được hơn 01 năm, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh S: Về quan hệ hôn nhân: Việc anh kết hôn và chung sống với chị D và có một con chung như chị D đã trình bày là đúng sự thật. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tình cảm với nhau, sống ly thân đã lâu. Mặc dù anh không muốn ly hôn, nhưng nếu chị D cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí. Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, bà Vũ Thị T (mẹ đẻ của anh S) cung cấp như sau: Sau khi anh S và chị D kết hôn rồi thuê nhà trọ tại tỉnh Bắc Ninh sinh sống và làm việc. Sau khi chị D sinh con thì về nhà ông bà tại khu Nam Tân, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh sinh sống được khoảng 06 tháng. Sau đó, bà theo vợ chồng anh chị lên Bắc Ninh trông nom cháu. Khi cháu được khoảng 10 tháng tuổi bà đưa cháu về nhà mình ở phường Nam Khê, thành phố Uông Bí chăm sóc và sinh sống từ đó đến nay. Hiện tại, anh S và chị D đều làm việc xa nhà, nhưng sống ly thân và đều gửi tiền về nuôi con. Ông bà là người trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu hàng ngày. Về việc ly hôn của các con: bà không muốn các con phải ly hôn. Trường hợp các con ly hôn, bà đề nghị giao cho gia đình bà được nuôi dưỡng cháu D đến khi trưởng thành. Ông Nguyễn Đức T - Tổ trưởng tổ 3, khu Nam Tân, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí có mặt cho biết: lời trình bày của bà Thịnh là đúng sự thật. Biên bản xác minh có xác nhận của chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

- 1) Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn;
- 2) Giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị D và anh Nguyễn Thế S có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Xét thấy: tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng hai bên sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị D và anh S có 01 con chung dưới 36 tháng tuổi. Hiện đang ở cùng ông bà nội. Cả hai vợ chồng đều có việc làm và thu nhập, có đủ điều kiện và đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Quyền nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn trước hết thuộc về cha mẹ của con. Cháu D tuổi còn nhỏ, chưa tự phục vụ được bản thân, lứa tuổi đang hình thành và phát triển nhân cách, rất cần sự quan tâm, chăm sóc hàng ngày của người mẹ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi dưỡng con, để đảm bảo quyền lợi của con, được ổn định tâm lý, sinh sống và học hành, Hội đồng xét xử cần giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc một bên không đủ điều kiện nuôi con thì bên kia vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Cao Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Cao Thị D được ly hôn anh Nguyễn Thế S.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/06/2016 cho chị Cao Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Anh Nguyễn Thế S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Anh Nguyễn Thế S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Sơn lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh S.

2.4. Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Cao Thị D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000726 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chị Cao Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- UBND P. Nam Khê,
- TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- Đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- THADS TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm